

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **417**/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày **29** tháng **3** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công
tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển Bất động sản HUDLAND tại Văn bản số 255/HUDLAND-ĐT ngày
31/01/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Đầu tư xây
dựng khu đô thị mới phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và hồ
sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại
Tờ trình số 72/TTr-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND địa chỉ tại tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị mới phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị mới phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng khu đô thị mới.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện trên diện tích 32.467,29 m² thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Quy mô: Dự án nhóm B (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Quy mô dân số khoảng 545 người.

- Công suất thiết kế: Đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các tiện ích xã hội và kiến trúc cảnh quan với 97 căn gồm biệt thự song lập, đơn lập, nhà liền kề.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định

của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.


2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

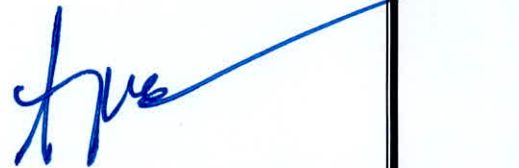
Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **17**/GPMT-UBND ngày **29** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất khi đạt quy mô 545 người khoảng 70 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là rãnh thoát nước đường Hà Huy Tập, thành phố Yên Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả thải nước thải sinh hoạt: Rãnh thoát nước đường Hà Huy Tập, thành phố Yên Bái.

- Tọa độ xả nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^o 45' múi chiều 3^o): X=2.403.625,8; Y=516.214,5

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất khoảng 70 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 3 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (Hệ số K = 1,0).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Chảy gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (Hệ số K = 1,0), với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	6 tháng/lần

3	TSS	mg/l	100	6 tháng/lần
4	TDS	mg/l	1.000	6 tháng/lần
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	6 tháng/lần
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	6 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	6 tháng/lần
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	6 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	6 tháng/lần
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	6 tháng/lần
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	6 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động gồm 2 buồng vệ sinh (*kích thước 2,0 m x 1,5 m, dung tích 200l, chất liệu composite*); định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

b) Nước thải thi công: Bố trí rãnh thu tạm với chiều dài khoảng 50 m (*kích thước 0,3 m x 0,3 m*) và 01 hồ lắng dung tích khoảng 12 m³ (*kích thước 4,0 m x 1,5 m x 2,0 m*) có đặt vách ngăn thu váng dầu, tách cặn rắn lơ lửng. Nước thải sau đó được tái sử dụng để rửa máy móc, thiết bị thi công xây dựng không thải ra ngoài môi trường.

c) Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Bố trí rãnh thu tạm bằng đất với chiều dài khoảng 350 m (*kích thước 0,3 m x 0,3 m*) và 01 ao lắng diện tích khoảng 100 m² (*chiều sâu 1,0 m-1,5 m*) bố trí ở cuối tuyến rãnh nằm phía đường vào dự án để lắng bùn đất. Nước thải sau đó dẫn về hệ thống rãnh thoát nước hiện có của khu vực và thải ra ngoài môi trường.

2. Giai đoạn hoạt động

2.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, chậu tiểu từ các nhà vệ sinh theo đường ống dẫn thu gom về các bể tự hoại 03 ngăn theo cơ chế tự chảy, sau đó theo đường ống PVC D 100 mm chảy về rãnh thu gom nước thải chung của dự án; nước thải phát sinh từ quá trình tắm, giặt, rửa, nhà bếp theo đường ống PVC D60-90 mm chảy vào rãnh thu gom nước thải chung của dự án. Riêng tại khu vực phía đông của dự án (*do địa hình*), toàn bộ nước thải phát sinh

sẽ được thu gom về 01 ổ ga, tại đây dùng 01 máy bơm công suất $5\text{m}^3/\text{h}$ để bơm cưỡng bức về hố ga gần nhất của rãnh thu gom nước thải chung của dự án (*tổng chiều dài tuyến rãnh thu gom nước thải chung của dự án là 1.061 m*) trước khi về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống D 300mm chảy vào rãnh thoát nước chung của khu vực (*rãnh thoát nước đường Hà Huy Tập*). Dọc hệ thống rãnh thu gom nước thải chung của dự án bố trí 47 hố ga (*kích thước hố ga: 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m*).

b) Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.
- Hệ thống thoát nước mưa phân chia thành 2 tiểu lưu vực thoát nước về đường Hà Huy Tập ở phía Đông Bắc và đường Tô Hiệu ở phía Tây Nam sau đó chảy vào hệ thống thoát nước đã có trên các tuyến đường.
- Bố trí xây dựng hệ thống cống thoát nước bao quanh dự án, cống bê tông cốt thép và hệ thống rãnh xây gạch B300 thu gom nước mưa sau lưng các dãy nhà.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: (i) quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải được xử lý qua hệ thống các bể gồm: bể thu gom, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng và cuối cùng là bể khử trùng có sử dụng Javen trước khi thải ra ngoài môi trường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm về bể chứa bùn sau đó thuê đơn vị có năng lực để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1); (ii) hóa chất sử dụng: Javen.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hệ thống rãnh thoát nước và lắng qua các hố ga trước khi thải ra môi trường như đã nêu tại điểm b mục 2.1 Phần này.

II. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 năm kể từ khi dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường được cấp và đưa dự án vào hoạt động.

2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý (*trước khi thải ra môi trường*).

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) hệ số K=1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	5-9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	6 tháng/lần
3	TSS	mg/l	100	6 tháng/lần
4	TDS	mg/l	1.000	6 tháng/lần
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	6 tháng/lần
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	6 tháng/lần
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	6 tháng/lần
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	6 tháng/lần
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	6 tháng/lần
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	6 tháng/lần
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	6 tháng/lần

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

III. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Trong giai đoạn thi công: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các quy định hiện hành trước khi chảy ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

2. Trong giai đoạn hoạt động

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

- Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở với tần suất 06 tháng/01 lần theo quy định.

PHỤ LỤC 02:
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~417~~/GPMT-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Giai đoạn thi công

a) Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Do hoạt động phá dỡ các hạng mục công trình, hoạt động đào đắp, san lấp nền (các phương tiện phá dỡ, vận chuyển, đào đắp) và thi công xây dựng sử dụng nhiên liệu phát sinh khí thải như SO₂, NO_x, CO, VOC,...

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi:

+ Quay xung quanh theo ranh giới thực hiện dự án bằng tường bao, hàng rào bằng tôn (chiều cao 03 m).

+ Giảm lượng bụi trong thi công: áp dụng các biện pháp giảm lượng bụi đến mức thấp nhất như tưới ẩm, làm dứt điểm từng hạng mục; thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường.

+ Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được kiểm tra định kỳ về nồng độ chất thải mới được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

+ Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm; hạn chế hoạt động thi công công trình trước 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều.

+ Làm sạch phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, đất đá thải trước khi ra khỏi công trường.

+ Xây dựng lán trại, khu tập kết vật tư, chất dễ cháy nổ một cách hợp lý.

+ Không thải dầu mỡ, hóa chất trong quá trình bảo dưỡng, vệ sinh phương tiện thi công trong công trường.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính, mũ...) cho công nhân làm việc tại các vị trí như: cắt sắt, hàn xì, lắp dựng cột thép và mái che.

+ Tưới nước trên tuyến đường dân sinh khu vực khu vực để hạn chế bụi.

+ Bố trí đội vệ sinh trên công trường có nhiệm vụ thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải:

+ Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn về khí thải đảm bảo môi trường, an toàn kỹ thuật về mức độ an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm.

+ Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

+ Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ công việc để tránh làm gia tăng mật độ xe hoạt động trên công trường.

c) Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2. Giai đoạn hoạt động

a) Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải của cán bộ, công chức, người lao động của đơn vị,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC,...

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Mặt đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án được thiết kế rộng thoáng không gây ùn tắc giao thông và dễ dàng phát tán các chất ô nhiễm đảm bảo pha loãng giảm thiểu nồng độ trong không khí.

- Mặt đường được kiên cố hóa để giảm thiểu bụi, kết hợp trồng cỏ tại các cụm, điểm đường giao thông và trồng cây xanh trong khu vực dự án.

c) Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc chp phép bụi tại nơi làm việc; Quyết định số 3733:2002/BYT- Quyết định của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

PHỤ LỤC 03:

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~417~~/GPMT-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động đào, đắp, san lấp mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

2. Giai đoạn hoạt động: Trong giai đoạn hoạt động, dự án sẽ phát sinh tiếng ồn từ hoạt động làm việc, sinh hoạt của người dân.

II. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

- Tính toán, chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.

- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Công nhân thi công tại công trường được trang bị loại bảo hộ lao động.

2. Giai đoạn hoạt động

- Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào khu vực, không sử dụng còi xe cơ giới từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 417/GPMT-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại: phát sinh trên công trường chủ yếu là: giẻ lau, găng tay, vỏ chai đựng dầu nhớt, que hàn thải, các bộ phận hỏng của máy móc dính dầu mỡ, bóng đèn cháy, hỏng,... với khối lượng trung bình khoảng 164 kg/toàn bộ giai đoạn thi công.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn xây dựng: khối lượng đất đá thải phát sinh là 262.210m³; khối lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát dọn thực bì là 27,8 tấn/giai đoạn (tương đương 0,28 tấn/ngày); khối lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công do nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao xi măng, cốt thép, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ... là 11.732,5 tấn/toàn bộ thời gian thi công (tương đương 46,93 tấn/ngày).

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa,... với khối lượng trung bình khoảng 45 kg/ngày.

2. Giai đoạn hoạt động

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn cháy, hỏng, các thiết bị, linh kiện điện tử thải, pin hỏng, các bình ga tách ra từ điều hòa, tủ lạnh... với khối lượng trung bình khoảng 0,9 tấn/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã QL CTNH
1	Bóng đèn LED thải	rắn	30	16 01 06
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc thiết bị điện tử...	rắn	500	16 01 13
3	Pin thải	rắn	70	19 06 05
4	Các chất CFC, HCFC, HFC thải	rắn	300	17 08 01
	Tổng cộng		900	

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: bùn thải

phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung trung bình khoảng 2,9 tấn/năm.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton,... với khối lượng trung bình khoảng 495 kg/ngày.

II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Tại khu vực công trường bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m², có biển cảnh báo kho chứa chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Các chất thải nguy hại của công trường được lưu giữ tại khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, được phân loại và đựng trong thùng phuy chứa có nắp đậy kín, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí 03 thùng dung tích 100 lít để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (*đặt tại vị trí Khu Trung tâm thương mại của dự án*): Diện tích 12 m² công trình xây tường, đổ mái bê tông, lợp tôn, nền bê tông chống thấm.

Chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với lượng đất đá thải phát sinh: Đổ thải bãi thải tại thôn Đoàn Kết, xã Bảo Hưng, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái, trữ lượng 400.000m³. Tọa độ trung tâm bãi thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*) X = 2.398.237,79, Y = 513.753,23

- Đối với lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công: được phân loại thành chất thải rắn tái chế được và chất thải rắn không tái chế được. Đối với các chất thải tái chế được như: bìa carton, sắt vụn, vỏ bao xi măng,... được thu gom và bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu. Chất thải không tái chế được như gạch vỡ, vữa xi măng hỏng được thu gom và vận chuyển đổ thải tại bãi thải.

- Đối với lượng sinh khối phát sinh từ quá trình dọn thực bì: Tiến hành thu gom sinh khối trên khu vực dự án; phần gỗ, củi thì bán hoặc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; phần còn lại chủ yếu là cành vụn, lá cây thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý.

b) Giai đoạn hoạt động: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, từ nạo vét rãnh thoát nước mưa được tận dụng để bón cây trong khuôn viên

dự án.

3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Trên công trường bố trí các thùng rác nhựa có nắp đậy loại 10-20 lít để chứa rác thải sinh hoạt của công nhân. Thu gom tập trung phân loại rác tái chế và rác không có khả năng tái chế. Thành lập đội vệ sinh công trường hàng ngày và thu gom rác thải đến điểm tập kết chung hiện có của khu vực dân cư xung quanh và thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để vận chuyển đi xử lý.

b) Giai đoạn hoạt động: Bố trí các thùng chứa rác thải dung tích 20 lít dọc theo tuyến đường và khu công cộng trong phạm vi khu vực để thu gom, tập kết rác thải từ các khu nhà. Định kỳ, 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

I. Giai đoạn thi công xây dựng

1. Sự cố thiên tai

- Không thi công ngoài trời vào những ngày mưa giông, gió bão.
- Dọn dẹp công trường sạch sẽ sau mỗi ngày thi công và trước các thời điểm xảy ra mưa bão.
- Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục.
- Bố trí máy bơm trên công trường để bơm hút nước trong trường hợp mưa lớn làm ngập hố móng, không để xảy ra tình trạng ngập úng hố móng tạo thành các hố nước sâu trong công trường.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống đường thoát nước mặt của dự án.

2. Sự cố tai nạn lao động

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.
- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn.
- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật.
- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị trước khi đưa thiết bị vào hoạt động.

- Trang bị các loại thiết bị y tế sơ cứu tại công trường, hướng dẫn sơ cứu khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra.

3. Sự cố tai nạn giao thông

- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông.

- Tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường.

4. Sự cố cháy nổ

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường.

- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước,....

- Đối với các thiết bị điện trên công trường: Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện; kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn.

II. Giai đoạn hoạt động

1. Sự cố cháy nổ

Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

2. Sự cố đối với công trình xử lý nước thải

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.

- Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường, nếu xảy ra sự cố sẽ lập tức khóa van xả, nhanh chóng tiến hành sửa chữa. Hệ thống tạm thời dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động.

PHỤ LỤC 05:

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~417~~GPMT-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung tại Giấy phép này; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thiết kế xây dựng của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi chảy ra khỏi khu vực thực hiện dự án.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

5. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

7. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đề xuất.

8. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

9. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.